**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG CUỐN SÁCH**

**“PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM - NỀN TẢNG TINH THẦN, NGUỒN LỰC NỘI SINH PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC”**

**I. Thông tin khái quát về cuốn sách**

Cuốn sách "*Phát triển văn hóa và con người Việt Nam - nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh phát triển đất nước*” do PGS,TS. Nguyễn Duy Bắc làm chủ biên, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật xuất bản năm 2022.

Cuốn sách gồm 4 phần có dung lượng 354 trang, bao gồm:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế.

Chương 2: Bối cảnh mới và những yếu tố tác động đối với việc phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Thực trạng phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

Chương 4: Những yêu cầu đặt ra và giải pháp phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực – nền tảng tinh thần, sức mạnh nội sinh phát triển đất nước.

Cuốn sách khẳng định văn hóa, con người có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển đất nước, được đặt ở vị trí trung tâm, “*hệ điều tiết của quá trình phát triển*”. Nhận thức sâu sắc và để tăng cường phát huy vai trò của văn hóa, con người trong phát triển đất nước, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã chủ trương coi con người là trung tâm, chủ thế, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững; đồng thời khẳng định mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân. Đảng ta cũng nhấn mạnh, nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là tinh thần yêu nước ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của mỗi người dân và cần phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hóa, con người Việt Nam;... phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

Trên cơ sở tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển văn hóa và con người, các tác giả đã đề xuất các định hướng và giải pháp để phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong giai đoạn mới.

**II. Lý do chọn cuốn sách để giới thiệu**

* Thực hiện chủ trương của Học viện về phát triển văn hóa đọc.
* Phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy môn Văn hóa và phát triển. Đặc biệt cuốn sách liên quan trực tiếp tới bài 1: Khái quát về văn hóa và phát triển; bài 2: Phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
* Cuốn sách có giá trị tham khảo cho việc thực hiện đổi mới, phát triển ở Học viện Chính trị khu vực I.

**III. Nội dung cốt lõi của cuốn sách**

Cuốn sách gồm 4 chương, bao gồm:

**Chương 1**

**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI, NGUỒN NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

**I. CƠ SỞ LÝ LUẬN**

**1. Những khái niệm cơ bản:**

***a) Khái niệm văn hóa và phát triển***

Nhóm tác giả đưa ra một số quan niệm về văn hóa của Phương Đông, phương Tây, quan niệm về văn hóa như một thuật ngữ khoa học được đặt ra từ thế kỷ XVIII bắt đầu từ nhà khoa học người Đức Pufendorf khi ông cho rằng “Văn hóa là toàn bộ những gì được tạo ra do hoạt động xã hội của con người, nghĩa là văn hóa đối lập với trạng thái tự nhiên”. Sau ông, một loạt các học giả như nhà triết học Herder xem văn hóa là sự hình thành lần thứ hai của con người; nhà triết học Kant cho rằng văn hóa là sự phát triển, bộc lộ các khả năng, năng lực và sức mạnh của con người; nhà triết học Vico lại quan niệm văn hóa là từ chỉ một phức thể gồm khoa học, nghệ thuật, kinh tế, chính trị. Năm 1855, Klemm ra mắt công trình “Khoa học chung về văn hóa” lúc này khoa học về văn hóa mới được hình thành…

Ở Việt Nam, năm 1428, Nguyễn Trãi khi viết “Bình Ngô đại cáo” coi văn hóa là văn hiến. Năm 1943, Đề cương văn hóa Việt Nam ra đời, Đảng quan niệm văn hóa bao gồm tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Đến NQTW 5 khóa VIII, sự nhận diện văn hóa đã mở rộng ra nhiều lĩnh vực.

Hiện nay có nhiều cách tiếp cận khác nhau về văn hóa. Tính đến năm 1994, nhà nghiên cứu văn hóa Phan Ngọc cho biết nhà dân tộc học người Mỹ đã dẫn đến 400 định nghĩa khác nhau về văn hóa. Từ đó những định nghĩa về văn hóa không ngừng tăng lên và được sử dụng trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau.

Mặc dù không chính thức đưa ra định nghĩa về văn hóa, song khi bàn về “Những giai đoạn văn hóa tiền sử” trong công trình Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước xuất bản lần đầu năm 1884, Ph. Ăngghen đã có ngụ ý chứng minh: Văn hóa là toàn bộ những sản phẩm vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra nhằm đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển của mình trong tiến trình lịch sử. Tuy nhiên, do phạm vi nghiên cứu của ông chỉ giới hạn trong sự chuyển biến từ thời đại mông muội lên thời đại văn minh nên ông chỉ kể ra những thành tựu chủ yếu của con người trong khoảng thời gian đó là sự hình thành tiếng nói có âm tiết, việc chế tác các công cụ bằng đá, việc lấy lửa bằng cọ xát việc chế tạo ra cung tên, việc phát minh ra nghệ thuật làm gồm, việc nấu quặng sắt và chế tạo đồ kim khí, việc sáng tạo ra chữ viết và sử dụng để ghi lại những sáng tác văn học.

Năm 1943, ở trang cuối tập Nhật ký trong tù, Bác đã đưa ra quan niệm về văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.

*Cuối thế kỷ XX,*Federico Mayor – Tổng thư ký của*UNESCO* đưa ra quan niệm “Văn hóa là tông thể sống động các hoạt động sáng tạo (của các cá nhân và các cộng đồng) trong quá khứ và trong hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên hệ thống các giá trị, các truyền thống và các thị hiếu – những yếu tố xác định đặc tính riêng của từng dân tộc…”.

Phạm vi cuốn sách sử dụng khái niệm văn hóa như cách hiểu về văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nói đến văn hóa là nói đến con người, đến những sáng tạo và phát minh của con người hướng tới những giá trị nhân văn, nhân bản, góp phần hoàn thiện con người và xã hội loài người.

Phát triển văn hóa được hiểu là *hoạt động của chủ thể văn hóa tác động làm nảy sinh những giá trị mới của nền văn hóa về quy mô và chất lượng theo hướng tiến bộ* *đi lên đạt chuẩn chân, thiện, mỹ* ở mức độ ngày càng cao, thấm nhuần sâu sắc tinh thần *nhân văn, dân chủ, tiến bộ, khoa học*, thúc đẩy toàn bộ các lĩnh vực hoạt động văn hóa, tạo ra các điều kiện và cơ hội cho con người tham gia vào quá trình sáng tạo, sản xuất, truyền bá, đánh giá và thưởng thức các giá trị văn hóa, tạo môi trường văn hóa lành mạnh làm động lực thúc đẩy quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

***b) Khái niệm con người***

Vấn đề con người, phát triển con người là một nội dung nghiên cứu trọng tâm của nhiều học thuyết, trường phái khác nhau trên thế giới từ trước đến nay.

Trong hệ thống lý luận của C.Mác, lý thuyết về xây dựng và phát triển con người nằm rải rác ở nhiều tác phẩm khác nhau với các luận điểm cơ bản sau:

* Con người vừa là một thực thể tự nhiên có tính chất người.
* Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội.
* Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người. Phát triển con người phải là sự phát triển toàn diện.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề con người. Bác coi con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng, Con người là chủ thể sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần. Con người cũng là nhân dân trong điều kiện cụ thể, giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp cách mạng và xây dựng xã hội mới. Theo Bác, muốn xây dựng CNXH, trước hết cần có con người xã hội chủ nghĩa. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp giải phóng xã hội và giải phóng chính bản thân con người.

Hồ Chí Minh đưa ra khái niệm độc đáo về con người “*Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người”*. Với cách hiểu này con người là con người xã hội, gắn bó mật thiết với cộng đồng, xã hội, trước hết là nhà - làng - nước, sau đó là nhân loại.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh phát triển con người là quan tâm đến con người, thúc đẩy con người hoàn thiện về mọi phương diện:

- Phát triển thể lực - sức khỏe;

- Phát triển trí tuệ - tri thức;

- Phát triển năng lực thẩm mỹ;

- Phát triển về mặt đạo đức - tinh thần”.

Những nội dung này được Bác thể hiện ở rất nhiều bài phát biểu, nói chuyện và bài viết khác nhau. Trong các tiêu chí con người toàn diện, Bác xem trọng nhất là việc xây dựng nền đạo đức mới – đạo đức cách mạng cho lớp con người mới vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Một luận điểm quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa lớn trong thời đại của chúng ta, đó là: *Vì lợi ích 10 năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*”. Chúng ta phải đào tạo ra những công dân tốt và cán bộ tốt cho nước nhà. Nhân dân, Đảng, Chính phủ giao các nhiệm vụ đào tạo thế hệ tương lai cho các cô chú. Đó là một trách nhiệm nặng nề nhưng rất vẻ vang”.

Tiếp thu những thành tựu trong lý luận về con người của chủ nghĩa Mác – Leenin và áp dụng vào thực tế Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh đã đặt những viên gạch nền móng quan trọng cho đường lối xây dựng, phát triển con người của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng ta luôn khẳng định con người là vốn quý nhất và lấy việc chăm lo hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Tại HN lần thứ tư BCH khóa VII, lần đầu tiên Đảng ta đã ra các nghị quyết đặt lên hàng đầu chiến lược “phát triển con người với tư cách vừa là động lực, vừa là mục đích của cách mạng, của sự nghiệp đổi mới đất nước.

***c) Khái niệm nguồn nhân lực***

Nguồn nhân lực là toàn thể dân cư của một quốc gia có đầy đủ thể lực, trí lực, kỹ năng và ý thức tham gia vào quá trình phát triển đất nước trực tiếp hoặc tiềm năng. Với cách hiểu này, nguồn nhân lực là toàn thể dân cư của đất nước. Tuy nhiên để trở thành nguồn nhân lực thì họ phải thỏa mãn những yêu cầu về thể lực, trí lực, kỹ năng. Những yếu tố này có thể được hoàn thiện dân trong quá trình học tập và làm việc. Ngoài ra họ phải có ý thức tham gia vào quá tình phát triển đất nước.

Nguồn nhân lực của các quốc gia có thể có thể chia theo lứa tuổi hoặc theo hoạt động.

* *Chia theo lứa tuổi:*

+ Nguồn nhân lực trẻ: 0-30 tuổi

+ Nguồn nhân lực trung niên: 31-60 tuổi

+ Nguồn nhân lực cao tuổi: từ 61 tuổi trở lên

* *Chia theo hoạt động:*

+ Nguồn nhân lực tiềm năng: trẻ em dưới độ tuổi lao động theo quy định

+ Nguồn nhân lực đi học

+ Nguồn nhân lực đang lao động

+ Nguồn nhân lực nghỉ hưu

* Nguồn nhân lực chất lượng cao là khái niệm để chỉ một người/ một nhóm người lao động cụ thể có trình độ lành nghề ứng với một ngành nghề cụ thể theo tiêu chí phân loại lao động về chuyên môn, kỹ thuật nhất định. Nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ thể hiện ở trình độ học vấn mà còn thể hiện trong việc tích lũy tri thức dân tộc và nhân loại thể hiện trong việc giải quyết công việc hàng ngày.

**2. Mối quan hệ giữa văn hóa, con người và nguồn nhân lực**

- Con người, nguồn nhân lực là chủ thể sáng tạo ra văn hóa: Con người đã sáng tạo ra văn hóa, cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Con người sử dụng văn hóa như những phương thức tồn tại và phát triển.

- Con người, nguồn nhân lực là sản phẩm của văn hóa

- Phát triển văn hóa là phát triển con người, nguồn nhân lực và ngược lại

**3. Vai trò của văn hóa, con người và nguồn nhân lực đối với sự phát triển bền vững đất nước**

Sự phát triển của văn hóa, con người và nguồn nhân lực có vai trò to lớn đối với sự phất triển bền vững đất nước.

*Thứ nhất, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội*

* Văn hóa là nền tảng tinh thần cho sự cố kết, gắn kết cộng đồng.
* Văn hóa là cơ sở để dân tộc khẳng định sự tồn tại
* Văn hóa dân tộc là cơ sở để lựa chọn mô hình kinh tế xã hội.

*Thứ hai, phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực là mục tiêu của sự phát triển bền vững đất nước.*

* Phát triển bền vững đất nước là thực hiện mục tiêu của quá trình phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực.
* Văn hóa, con người luôn là mục tiêu trong quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

*Thứ ba, phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực là động lực, là sức mạnh nội sinh đảm bảo sự phát triển bền vững đất nước.*

* Văn hóa, con người, nguồn nhân lực là nguồn lực trong các nguồn lực của phát triển. Các nguồn lực cơ bản tác động đến sự phát triển đất nước gồm:

+ Nguồn lực khoa học – công nghệ

+ Nguồn nhân lực – lao động

+ Nguồn vốn

+ Nguồn tài nguyên thiên nhiên

* Văn hóa là nguồn lực trực tiếp cho sự phát triển.
* Văn hóa, con người và nguồn lao động là động lực phát triển cần xem xét ở trình độ lãnh đạo, quản lý đất nước. Điều này được thể hiện rất rõ trong trong các khía cạnh như: năng lực xây dựng đường lối, chiến lược phát triển đất nước; Năng lực lãnh đạo, quản lý kinh tế, phát triển doanh nghiệp, xây dựng văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa thương hiệu, văn hóa doanh nhân…

**II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC**

**2.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia Châu Á**

***a) Trung Quốc***

Trung Quốc là quốc gia có bề dày văn hóa với tầm ảnh hưởng rộng lớn đối với các quốc gia xung quanh trong quá khứ. Các tư tưởng Đạo Giáo, Nho Giáo, Phật Giáo đã xâm nhập và tạo ảnh hưởng mạnh mẽ tới các nước xung quanh trong thời kỳ phong kiến. Trong đó, Nho giáo có vai trò quyết định trong định hình các giá trị văn hóa và con người, mở rộng từ quản lý, điều hành đến giáo dục con người.

Sự kết hợp giữa các giá trị “nhân”, “lễ” của Nho gia với tính “hài hòa” trong các mối quan hệ Thiên - Địa - Nhân hợp nhất và triết lý “từ bi”, “phổ độ chúng sinh” của đạo Phật đã cơ bản tạo nên các giá trị văn hóa - con người truyền thống của Trung Quốc.

Trong quá khứ các giá trị lễ giáo “tam cương ngũ thường” nhằm bảo vệ giai cấp thống trị phù hợp với các xã hội phong kiến châu Á. Đến thời kỳ hiện đại, văn hóa của Trung Quốc tiếp tục chịu sự tác động của chủ nghĩa Mác cùng các hệ tư tưởng lãnh đạo Trung Quốc. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng hấp thu các giá trị hiện đại du nhập từ phương Tây. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, toàn cầu hóa đã và đang phổ biến các giá trị phổ quát Tây phương về tự do, dân chủ, pháp quyền, nhân quyền ngày càng mạnh mẽ.

Từ đầu thập niên 2000, Trung Quốc tạo lập hệ giá trị văn hóa và con người riêng, vừa kế thừa truyền thống vừa có lý tưởng và vừa mang tinh thần thời đại. Năm 2001, Trung Quốc ban hành văn bản Cương yếu xây dựng đạo đức công dân, và đưa ra các giá trị đạo đức là “*yêu nước tuân thủ luật pháp, giữ gìn lễ nghĩa thành thật, đoàn kết thân thiện, cẩn kiệm tự cường, yêu nghề cống hiến”.*

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2012, Trung Quốc đề ra “ba đề xướng”, khái quát 12 giá trị quan xã hội chủ nghĩa Trung Quốc gồm: *giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa, tự do, bình đẳng, công bằng, pháp trị, yêu nước, kính nghề, thành thật và thân thiện.*

***b) Nhật Bản***

Do những điều kiện địa lý đặc biệt với các triết lý tinh thần truyền thống và có tiếp thu các tư tưởng từ bên ngoài, các giá trị văn hóa của Nhật Bản bị chi phối bởi ba tầng tôn giáo gồm: *Thần đạo (Shinto), Phật giáo Thiền (Zen) và Nho giáo.* Từ thời Minh Trị Duy tân, với mục tiêu “thoát Á nhập Âu”, nỗ lực học hỏi văn minh phương Tây để canh tân phát triển đất nước, Nhật Bản đã hấp thu các giá trị phương Tây về *tự do, dân chủ, pháp quyền, tôn trọng cá nhân, coi trọng quyền con người*. Tuy nhiên, các giá trị văn hóa Nhật Bản có ảnh hưởng hết sức sâu sắc không chỉ tới lối sống, hành vi mà quan trọng là tạo nên đặc trưng riêng của người Nhật.

Giá trị con người Nhật Bản (tinh thần Nhật Bản) vốn có đặc trưng từ văn hóa võ sĩ đạo Samurai với tám quy tắc ứng xử gồm: *chính trực và công bằng, can đảm, nhân ái, lễ độ, lương thiện, tự trọng, trung thành và không ngừng rèn nhân cách.*

Hiện nay, Nhật Bản thiết kế chương trình giáo dục đạo đức, được gọi là Toku Iku phát triển đồng thời cả *trí dục, đức dục và thể dục*. Nội dung này được thể hiện trong “Mục tiêu giáo dục thế kỷ XXI” với ba khía cạnh: 1- Khoan dung, cơ thể khỏe mạnh và sáng tạo; 2- Tự do và tự lực với tinh thần cộng đồng; 3- Con người Nhật trên thế giới.

Từ năm 1996, Nhật Bản đưa chương trình giáo dục xây dựng năng lực học hỏi “Zest for living” (Đam mê vì cuộc sông - ikiru chikara) từ mẫu giáo đến phổ thông nhằm thúc đẩy học sinh ham tìm tòi khám phá, tìm kiếm giải pháp, xây dựng năng lực tri thức văn hóa, có sự tinh tế nhạy cảm, ý thức đạo đức và thể chất khỏe mạnh.

Hiện nay, đứng trước một thế giới biến động mạnh và nhu cầu nhân lực tương lai liên tục thay đổi, Nhật Bản đưa ra bốn định hướng trong phát triển con người của Nhật Bản gồm: 1*- Phát triển các năng lực xã hội vì sinh tồn; 2- Phát triển nguồn nhân lực để thực thi các tiến bộ nhanh chóng hướng đến tương lai; 3- Xây dựng các vườn ươm an toàn phục vụ việc học hỏi; 4- Xây dựng niềm tin và thiết lập cộng đồng vững mạnh.*

Dân số Nhật Bản năm 2017 là 126,71 triệu người, với 65,3 triệu người trong lực lượng lao động. Nguồn nhân lực độ tuổi 25-64 của Nhật Bản có trình độ đại học chiếm 48% năm 2014, đứng thứ 4 trong khối OECD. Do có đặc trưng nền kinh tế chủ yếu dựa trên khoa học và công nghệ, thị trường lao động Nhật đòi hỏi trình độ giáo dục cao, đặc biệt là những ngành có liên quan đến khoa học và kỹ thuật. Do đó ở Nhật, 75,9% học sinh tốt nghiệp phổ thông gia nhập các trường đại học, cao đẳng. Một vấn đề lớn ảnh hưởng đến triển vọng nền kinh tế và xã hội Nhật là tình trạng già hóa dân số.

***c) Hàn Quốc***

- Văn hóa Hàn Quốc có sự kết hợp chồng lấn nhiều tầng nấc với nhiều dấu ấn tôn giáo khác nhau như: dòng tôn giáo Shaman, Phật giáo, Nho giáo, Kitô giáo (tuy đến muộn nhưng lại sôi nổi nhất).Hàn Quốc chịu ảnh hưởng mạnh nhất từ đức tin của Shaman giáo, Nho giáo, Phật giáo. Tôn giáo bản địa Shaman được xem như chủ nghĩa duy linh, tin vào các linh hồn trong tự nhiên, và thờ thần Dangun như thủy tổ của người Hàn Quốc.

Trong hệ thống giáo dục, Hàn Quốc rất coi trọng chương trình học thực nghiệm sáng tạo với hai hướng cả khoa học và cả giáo dục khai phóng. Hàn Quốc đưa ra sáu năng lực cốt lõi cho người dân: *1- Tự quản lý; 2 - Xử lý tri thức và thông tin, 3- Tư duy sáng tạo, 4- Tính thẩm mỹ; 5- Kỹ năng giao tiếp; 6- Năng lực dân sự.*

Giá trị con người Hàn Quốc được mô tả gồm có 20 giá trị nằm trong bốn phạm trù cuộc sống: *Cá nhân; Gia đình, hàng xóm và trường học; Xã hội; Quốc gia và dân tộc.*

Sau vụ chìm phà Sewol tháng 4/2014, Hàn Quốc ban hành Đạo luật Đẩy mạnh giáo dục nhân cách, dạy học sinh cách thức “phát triển tâm lý và thái độ cần thiết để chung sống với người khác, hài hòa với tự nhiên”. Các giá trị đạo đức cốt lõi mà Đạo luật hướng đến là *lịch sự, hiếu thảo, trung thực, trách nhiệm, tôn trọng, quan tâm, giao tiếp và hợp tác.*

Hàn Quốc có tỷ lệ nhập học ở các cấp học thuộc nhóm cao nhất trong các nước OECD. Chỉ có 2% dân số trong độ tuổi 25 - 34 không hoàn thành chương trình trung học phổ thông. Hàn Quốc có thứ hạng đánh giá cao về giáo dục đại học, xếp thứ 22 trong 50 quốc gia.

***d) Xingapo***

Xingapo tách khỏi Liên bang Malaixia vào 1965 có đặc trưng là một xã hội đa sắc tộc, đa văn hóa và đa tôn giáo. Xingapo nhấn mạnh sự phong phú, đa dạng văn hóa dựa trên cơ sở một bản sắc Xingapo đặc trưng: 1*- Quốc gia đứng trên cộng đồng và cộng đồng trên cá nhân; 2- Gia đình như tế bào của xã hội; 3- Cộng đồng hỗ trợ và tôn trọng cá nhân; 4- Đồng thuận, không xung đột; 5- Hòa hợp sắc tộc và tôn giáo*. Những giá trị này được xem như nền tảng tạo nên bản sắc quốc gia của Xingapo.

Trong giáo dục, các trường dạy cả tiếng Anh, Trung Quốc, Mã Lai và Tamin, học sinh được học các nền văn hóa khác nhau để hướng tới sự hòa nhập dân tộc.

Từ thập niên 1990, Xingapo xây dựng “Năng lực cốt lõi thế kỷ XIX”, thực hiện cải cách giáo dục hướng đến “dạy ít hơn, học nhiều hơn” để tăng tính chủ động cho học sinh. Chương trình cải cách giáo dục năm 2009 chỉ ra bốn kết quả mục tiêu đối với học sinh: *Cá nhân độc lập; cá nhân tự định hướng; người đóng góp tích cực; công dân biết quan tâm.* Điều này đã hình thành các lớp công dân luôn chủ động trước thời cuộc và tập trung xây dựng, phát triển đất nước.

Năm 2010 Xingapo xây dựng 6 hệ giá trị cốt lõi của người dân Xingapo gồm: *tôn trọng, trách nhiệm, bền bi, liêm chính, tận tâm, hài hòa*.

Nguồn nhân lực của Xingapo theo số liệu cập nhật năm 2018 là có 2,29 triệu người với tỷ lệ có việc làm khá cao 80,3%, đứng thứ tám trên thế giới. Nhờ quan niệm về giới mềm hơn và có trình độ giáo dục tôt, cơ hội việc làm của phụ nữ ở Xingapo cũng gần như ngang bằng nam giới. Trong vòng 10 năm 2008 - 2018, tỷ lệ tham gia thị trường lao động của phụ nữ Xingapo đã tăng từ 43,3% lên 45,8%. Bên cạnh đó, trình độ giáo dục đại học trở lên trong lực lượng lao động ở Xingapo cũng ở mức rất cao, tăng từ 42,6% năm 2008 lên 56,2% năm 2018.

**2. Kinh nghiệm của một số quốc gia phương Tây**

***a) Mỹ***

Nước Mỹ là quốc gia đa chủng tộc, đa dân tộc, đa văn hóa và đa tôn giáo. Nguồn gốc văn hóa và các giá trị tự do, dân chủ của siêu cường này dù bắt nguồn từ châu Âu và được người Mỹ phát triển lên một tầm mới.

Các giá trị đó là: *Tự do cá nhân (chủ nghĩa cá nhân); Tự lực cánh sinh; Bình đẳng về cơ hội và cạnh tranh; Trọng của cải vật chất và làm việc chăm chỉ.*

Mỹ không áp đặt chương trình giáo dục thống nhất, các bang sẽ tự quyết chương trình phù hợp cho địa phận của mình. Do đó, các chương trình giáo dục nhân cách phổ biến như:

+ Heartwood Program (tập trung vào bảy đức tính cơ bản: Can đảm; trung thành; công bằng; tôn trọng; hy vọng; trung thực; tình yêu).

+ Character Count đưa ra sáu trụ cột nhân cách gồm: trung thực; tôn trọng; trách nhiệm; công bằng; quan tâm; nghĩa vụ công dân.

+ Chương trình Center for the 4th and 5th Rs linh hoạt hơn trong việc chú trọng nhân cách nào theo tôn chỉ, mục tiêu của môi trường (10 đức tính cơ bản gồm: khôn ngoan; công bằng; kiên cường; tự kiểm soát; tình yêu; thái độ tích cực; làm việc chăm chỉ; liêm chính; biết ơn; hài hước).

Để có chuẩn chung, Chính phủ liên bang đề xuất sáng kiến Tiêu chuẩn nhà nước đòi hỏi người học phải được chuẩn bị đầy đủ kỹ năng và tri thức cần thiết để có thể cộng tác và cạnh tranh với người khác cả trong và ngoài nước Mỹ. Chính phủ Mỹ đưa ra các chứng chỉ đánh giá như GRE, SAT... hay các chứng chỉ nghề nghiệp trong từng lĩnh vực. Nước Mỹ khởi xướng các chương trình xây dựng khung năng lực chủ chốt cần có cho thế kỷ XXI. Tiêu biểu có khuôn khổ đối tác cho việc học hỏi trong thế kỷ XXI Mỹ (còn gọi là P21). Trong khuôn khổ này, học sinh từ mẫu giáo đến lớp 12 cần thành thạo 9 môn chủ chốt, tìm hiểu 5 nội dung liên ngành và phát triển ba loại kỹ năng để chuẩn bị sẵn sàng cho thành công nghề nghiệp và cuộc sống.

Chương trình phổ biến nhất được áp dụng ở nhiều quốc gia là P21. Trong đó, các chủ đề của thế kỷ XXI gồm có: nhận thức về toàn cầu; năng lực tài chính, kinh tế, kinh doanh và tinh thần kinh doanh; năng lực dân sự; năng lực sức khỏe, năng lực môi trường. Ba năng lực cơ bản về thông tin, truyền thông và ICT. Các kỹ năng cuộc sống và nghề nghiệp cần thiêt là: Linh hoạt và thích ứng; sáng kiến và tự định hướng; xa hội và liên - văn hóa; năng suất và trách nhiệm giải trình; lãnh đạo va trách nhiệm. Có bốn kỹ năng học hỏi và sáng tạo (4C s) là: *tư duy phản biện và giải quyết vấn đề; giao tiếp; hợp tác; đổi mới và sáng tạo*.

Học sinh ở Mỹ trải qua 6 năm tiểu học, 6 năm trung học và 4-5 năm đại học (mô hình 6-3-3-4). Mỹ xây dựng các trường công từ mẫu giáo đến đại học để phổ cập cho mọi người dân. Song hành với hệ thông giáo dục công là hệ thông giáo dục tư có tính cạnh tranh mạnh mẽ nhằm cung cấp nền giáo dục chất lượng cao. Là nền giáo dục tiên tiến đứng đầu thế giới, phần lớn sinh viên nước ngoài đến Mỹ để theo học đại học (41%) và sau đại học (36%). Số năm đi học bình quân của người Mỹ rất cao và khá ổn định trong hai thập niên qua, năm 2016 là 16,5 năm/người. Năm 2017 số người có trình độ đại học và cao hơn trong độ tuổi 25 - 34 là 47,8% trong cùng nhóm tuổi, và trong độ tuổi 55 - 64 là 42% trong cùng nhóm tuổi.

Năm 2018 lực lượng lao động Mỹ có trên 160 triệu người, với khoảng 27,8 triệu người là lao động nước ngoài nhập cư.

***b) Pháp***

Pháp được coi là cái nôi của tư tưởng tự do và cách mạng. Pháp là một trong những trung tâm văn học - nghệ thuật của châu Âu, với tinh hoa ẩm thực, kiến trúc, thời trang nổi tiếng thế giới. Giá trị của Pháp được thể hiện ở lá cờ ba sọc gồm có ba nội dung “*Tự do - Bình đẳng - Bác ái”.* Ngoài ra, Pháp cũng cùng chia sẻ các giá trị chung với châu Âu (EU) các giá trị như: tự do, dân chủ, công bằng, pháp quyền và tôn trọng nhân quyền.

Pháp theo đuổi ba mục tiêu giáo dục nhân cách gồm có: *đức tính dân chủ và nền cộng hòa; trách nhiệm cá nhân và tập thể; đánh giá có tính phản biện thông qua thực hành và tranh luận.*

Năm 2018, Pháp đưa ra bảy năng lực cốt lõi gồm: 1- Khả năng sử dụng thành thục tiếng Pháp; 2- sử dụng được ngoại ngữ; 3- Năng lực cơ bản về toán, khoa học và công nghệ; 4- Khả năng sử dụng thành thục các công nghệ chung trong ICT (Công nghệ thông tin và truyền thông); 5- Văn hóa nhân ái; 6- Năng lực xã hội và dân sự; 7- Tự chủ và chủ động nêu sáng kiến.

Hệ thống giáo dục của Pháp gồm có 5 năm (trẻ 6-10 tuổi) tiểu học, 7 năm trung học (11 - 17 tuổi) và 4 năm đại học. Giáo dục bắt buộc là 10 năm từ 6 tuổi (lớp 1) đến 15 tuổi (lớp 10). Số người trong lực lượng lao động tính đến quý 11/2019 của Pháp là trên 28 triệu người. Là quốc gia có nền giáo dục lâu đời, nguồn nhân lực của Pháp được đánh giá là có giáo dục bài bản, có tính sáng tạo.

**3. Hàm ý đối với Việt Nam**

Một điểm chung lớn của các quốc gia từ Đông sang Tây và định hướng giáo dục trong thế kỷ XXI đều tập trung vào phát triển đồng thời cả thể chất, đạo đức, tri thức và kỹ năng mềm. Giáo dục giá trị con người đều hướng tới xây dựng thế hệ công dân mới độc lập có bản sắc dân tộc nhưng mang giá trị toàn cầu để có thế cùng sáng tạo, hợp tác trong một môi trường quốc tế không bị giới hạn.

- Việt Nam cần xác định bản sắc Việt Nam trong thời đại mới có những giá trị cốt lõi gì, cái gì cần lưu giữ và cái gì cần điều chỉnh cho phù hợp trong những bối cảnh, điều kiện mới.

- Mặc dù trải qua hơn 1.000 năm Bắc thuộc và bị nhiều thế lực ngoại xâm nhưng dân tộc Việt Nam có đặc trưng dẻo dai, linh hoạt, khả năng thích ứng với hoàn cảnh của dân tộc.

- Đặc trưng văn hóa, người Việt Nam có đặc điểm duy tình, ít duy lý.

=> Việt Nam cần xây dựng hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

**Chương II**

**BỐI CẢNH MỚI VÀ NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

1. **BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY**

**1. Bối cảnh quốc tế**

***a) Những đặc điểm của thế giới***

*Một là*, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có bước phát triển nhảy vọt đạt được những kỳ tích to lớn, tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam và quan hệ quốc tế đương đại.

*Hai là,* toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh.

*Ba là*, điểm mới không lường được đó là cuộc khủng hoảng tài chính từ Mỹ lan rộng, trở thành cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, để lại hậu quả nặng nề.

*Bốn là*, quan hệ giữa các nước lớn - nhân tố rất quan trọng tác động đến sự phát triển thế giới.

*Năm là,* cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc tiếp diễn và ngày càng tăng lên. Xung đột dân tộc, tôn giáo tiếp tục bùng phát với những diễn biến có nhiều nguy cơ khó lường.

*Sáu là,* “xuất hiện ngày càng rõ nét sự quản trị toàn cầu, bên cạnh chính phủ quốc gia cùng nhau quản lý xã hội thế giới.

*Bảy là,* nhân loại đang đứng trước những vấn đề toàn cầu hết sức bức xúc đòi hỏi phải có sự hợp tác đa phương để giải quyết.

*b) Xu thế vận động của thế giới*

*Hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển* là xu thế lớn, là đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và các quốc gia trên thế giới.

Các nước đều dành ưu tiên phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của mỗi nước; đồng thời tạo sự ổn định chính trị, mở rộng hợp tác quốc tế. Chính sách đối ngoại của Việt Nam được hoạch định và triển khai thực hiện nhằm tranh thủ khai thác các nguồn lực bên ngoài phục vụ cho sự phát triển của đất nước, trước hết là phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực để phát triển kinh tế đất nước.

*Các quốc gia lớn, nhỏ đều tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực khác.*

Về mục tiêu hội nhập của Việt Nam là: Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

*Chủ động và tích cực hội nhập trên các lĩnh vực khác*: Đó là quá trình chủ động hơn trong việc nghiên cứu, lựa chọn các bộ tiêu chí, xây dựng và triển khai lộ trình áp dụng, đồng thời tham gia xây dựng các tiêu chí, chuẩn mực chung, góp phần nâng trình độ phát triển của Việt Nam trong các lĩnh vực này; phục vụ các mục tiêu xây dựng nền kinh tế tri thức và con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

*Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, đấu tranh chống sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ độc lập chủ quyền và nền văn hóa dân tộc*.

*Các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình.*

Đường lối đối ngoại của Việt Nam là: ‘Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam”.

**2. Bối cảnh trong nước**

Năm 1986, Đại hội VI của Đảng tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, trong đó xác định rõ những nhiệm vụ kinh tế - xã hội có ý nghĩa cơ bản, trước mắt là giải phóng sức sản xuất, tập trung phát triển kinh tế - xã hội để nhanh chóng vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế, phá thế bị bao vây cấm vận của các thế lực thù địch và mở rộng quan hệ đối ngoại. Triển khai đường lối đổi mới về kinh tế, Việt Nam từng bước xây dựng nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, dưới sự điều tiết của Nhà nước, khuyến khích sự đóng góp của mọi thành phần kinh tế để tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hóa cho xã hội. Những thành tựu bước đầu đạt được trong phát triển kinh tế đã góp phần tích cực làm dịu bớt những căng thẳng kinh tế - xã hội, khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới.

Đại hội VII (1991) đã thảo luận và thống nhất bốn vấn đề, trong đó có vấn đề thứ hai là: ... Phát triển nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặt con người ở vị trí trung tâm...”. Đại hội thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Kết quả là từ thập niên 1990, Đảng ta xác định xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên CNXH. Nhờ đó mà nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ khủng hoảng và bắt đầu phát triển khá nhanh chóng.

Đại hội VIII (tháng 6/1996) xác định: “Cùng với khoa học và công nghệ, *giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu* nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”. Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

Đại hội VIII (tháng 7/1998) ra Nghị quyết về “*Xây dựng và phát triển nến văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”. Đó là chiến lược văn hóa trong thòi kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần chấn hưng nền văn hóa dân tộc. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII tập trung vào việc xây dựng văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tổng kết những thắng lợi và những bài học chủ yếu của cách mạng Việt Nam; Cương lĩnh đã bổ sung hai đặc trưng xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là: *Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.* Cương lĩnh nêu tám phương hướng để xây dựng và phát triển đất nước, trong đó, nhấn mạnh đến việc nắm vững và giải quyết các mối quan hệ lớn: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công băng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quôc xã hội chủ nghĩa; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ...

Như vậy, sau hơn 35 năm đổi mới đất nước về văn hóa, xã hội: Đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện rõ rệt. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống nhân dân được cải thiện một bước.

**II. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, CON NGƯỜI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC**

**1. Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực giai đoạn 1991 đến nay**

***a) Giai đoạn 1991 – 2000:***

Cương lĩnh (năm 1991) đã khẳng định mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có sáu đặc trưng cơ bản, trong đó có hai đặc trưng nói về văn hóa và con người. Đó là: “- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. - Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sổng ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện để phát triển toàn diện cá nhân”.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII về văn hóa, văn nghệ đã xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 16/7/1998 “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

***b) Giai đoạn 2001 – 2010:***

Kết luận Hội nghị Trung ương 10 khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về “Xây dựng và phát triển nên văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” trong những năm sắp tới.

***c) Giai đoạn 2011 – 2020:***

Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, Đảng ta đã xác định: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển”.

Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 “Vê xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

Nhìn lại một cách tổng thể, đường lối nhất quán và xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1991 đến nay, về văn hóa là tập trung xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với các đặc trưng dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học.

**2. Tác động của kinh tế thị trường đến sự phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực**

Quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam trải qua nhiều giai đoạn và đi liền với nó là những thành công và hạn chế.

Đại hội XIII của Đảng (tháng 01/2021) cũng khẳng định: “Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, hiện đại, hội nhập”.

Qua 35 năm đổi mới, đất nước ngày càng phát triển. Kinh tế tăng trưởng khá, chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Quan hệ đốì ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Mặt trái là kinh tế phát triển chưa bền vững. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới…

**3. Tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa đôi với sự phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực**

Hội nghị Trung ương bảy khóa VII (1994) thông qua đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hiện nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân, là con đường duy nhất để “rút ngắn” quá trình phát triển, tránh nguy cơ tụt hậu ngày càng xa với các nước trên thế giới.

**4. Tác động của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đối với sự phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực**

***a) Tác động từ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng***

Niềm tin của chính đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức vào Đảng, đoàn kết hơn trong Đảng vì sự trong sạch hơn của Đảng đã tạo nên sức mạnh mới của Đảng.

Khi niềm tin của nhân dân (con người) vào Đảng được tăng cường hơn, vững chắc hơn đã tạo được sự lành mạnh, bình đẳng hơn (văn hóa) trong môi trường xã hội; tạo được sự hứng khởi trong tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu, cống hiến của mỗi con người trong cuộc sống.

***b) Tác động từ công tác xây dựng hệ thống chính trị***

***c) Tác động từ công tác xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa***

Tóm lại, kết quả của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà các đại hội Đảng gần đây đưa ra và tổ chức làm được trong thực tế đời sống đã tác động rộng rãi, sâu sắc, toàn diện và mang lại hiệu ứng tích cực đối với xã hội, trong đó đặc biệt là đối với sự phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực ở nước ta.

**5. Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với sự phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực**

Cuộc Cách mạng công nghiệp lẩn thứ tư đã thúc đẩy sự hình thành và phát triển của một khái niệm mới về giáo dục, đó là Giáo dục 4.0 (Education 4.0).

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thúc đẩy sự phát triển về hiệu quả thuyết minh, quảng bá di sản văn hóa gắn liền với đổi mới và nâng cao chất lượng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thực sự đã đưa chất lượng hưởng thụ văn hóa của cộng đồng lên tầm cao mới.

**6. Tác động của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đôi với sự phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực**

*Thứ nhất*, văn hóa dân tộc có điều kiện giao lưu với nhiều nền văn hóa, văn minh nhân loại; trong đó có những quan hệ truyền thống và các quan hệ khác được thiết lập, có nhiều cơ hội tiếp thu những tinh hoa của văn hóa, văn minh thế giới, làm phong phú thêm cho văn hóa Việt Nam trên cơ sở giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

*Thứ hai,* bên cạnh việc tiếp thu, tiếp biến tinh hoa văn hóa nhân loại, quá trình toàn cầu hóa, mở cửa, giao lưu hội nhập quốc tế, Việt Nam có cơ hội để quảng bá, giới thiệu văn hóa, đất nước, con người Việt Nam đến với bạn bè trên thế giới.

*Thứ ba*, tranh thủ, tận dụng những thành tựu của văn hóa, văn minh nhân loại đế rút ngắn bước đi của văn hóa dân tộc, rút ngắn khoảng cách quá xa về mọi mặt với thế giới, tạo đà cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*Thứ tư*, kích thích, tạo cảm hứng đổi mới, sáng tạo các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật để đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng đa dạng và phong phú của quần chúng nhân dân.

*Thứ năm*, toàn cầu hóa, giao lưu tiếp biến văn hóa và hội nhập quốc tế còn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, tăng cường mối quan hệ hợp tác, hữu nghị, bình đẳng giữa các quốc gia, thực hiện phương châm “thêm bạn bớt thù”, giữ gìn môi trường hòa bình, thân thiện, làm phong phú đời sống tinh thần của người Việt Nam.

Bên cạnh nhiều thời cơ, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng đặt ra nhiều thách thức đối với sự phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực ở Việt Nam. Cụ thể là:

*Một là,* khuynh hướng phổ biến các mô tip văn hóa chung có ý nghĩa toàn cầu, có thể dẫn đến sự đồng nhất các giá trị văn hóa, san bằng, đồng hóa các nền văn hóa của dân tộc, làm gia tăng sự chênh lệch về cơ hội tiến bộ, công bằng của các nước trên thế giới.

*Hai là*, một bộ phận dân chúng khi tiếp xúc với văn hóa nước ngoài dễ có tâm lý “mặc cảm, tự ti văn hóa dân tộc”, từ đó xuất hiện tâm lý và hành vi vọng ngoại, tiêm nhiễm lốì sống thực dụng, tôn thờ đồng tiền, truyền bá lối sống đồi trụy, cá nhân cực đoan...

*Ba là*, nguy cơ mai một bản sắc văn hóa dân tộc trước áp lực xâm thực của mặt trái văn hóa toàn cầu.

*Như vậy*, toàn cầu hóa, giao lưu, tiếp biến văn hóa và hội nhập quốc tế là quá trình đấu tranh lan tỏa để xác lập những giá trị và chuẩn mực trên phạm vi toàn cầu. Đây cũng là quá trình khẳng định các giá trị đặc thù của các nền văn hóa dân tộc. Quá trình toàn cầu hóa vừa là quá trình phổ biến những giá trị chung trên phạm vi toàn cầu mang tính nhất thể hóa, vừa là quá trình đa dạng hóa, quá trình tự khẳng định bản lĩnh và bản sắc của các nền văn hóa. Làm thế nào để trong quá trình phương Tây hóa mạnh mẽ như hiện nay, chúng ta vẫn tiếp thu được nhiều tinh hoa của nước ngoài mà không bị đồng hóa, hòa tan các hệ giá trị? Đó là câu hỏi đặt ra cho mỗi người dân Việt Nam trong thời đại ngày nay. Nhân dân Việt Nam ý thức sâu sắc rằng, toàn cầu hóa là cơ hội lớn để văn hóa Việt Nam học hỏi và phát huy các giá trị của mình. Việt Nam nhất thiết phải mở cửa, phải hội nhập để đón những giá trị mới của nhân loại. Đó là lẽ sống còn của dân tộc. Nhưng mở cửa hội nhập để phát triển, chứ không phải trở thành bóng mờ của nền văn hóa khác.

**Chương III**

**THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI, NGUỒN NHÂN LỰC TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

**I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

**1. Thành tựu phát triển văn hóa**

***a) Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn***: đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển đất nước.

- *Đối với các đơn vị nghệ thuật công lập*:

+ Nhiều tác phẩm, chương trình đạt chất lượng cao về tư tưởng, nội dung, phản ánh đời sống xã hội, con người Việt Nam.

+ Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, số hoá đã khiến cho các bản ghi âm, ghi hình được sao chép dễ dàng, giúp các tác giả, nghệ sĩ quảng bá tác phẩm, khẳng định tên tuổi tới đông đảo quần chúng một cách thuận lợi.

+ Nhiều sự kiện nghệ thuật biểu diễn do các công ty trong nước và quốc tế tổ chức, có tính chuyên nghiệp, chất lượng nghệ thuật cao, tạo điều kiện mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác, học hỏi kinh nghiệm, góp phần thúc đẩy hoạt động nghệ thuật biểu diễn phát triển.

- *Đối với các đơn vị ngoài công lập*, việc thực hiện các chính sách xã hội hóa các đơn vị nghệ thuật theo quy định gặp nhiều khó khăn. Việc liên doanh, liên kết với đối tác nước ngoài để thành lập doanh nghiệp hoạt động biểu diễn nghệ thuật hiện nay hầu như chưa thực hiện được.

***b) Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm***

- Việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm được chú trọng. Nhiều văn bản liên quan được ban hành.

- Công tác cấp phép các hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh thực hiện khá tốt, được thực hiện đúng quy trình, quy định.

- Các hoạt động chủ yếu như: vận động sáng tác, công bố, phổ biến tác phẩm, tổ chức triển lãm, xây dựng các công trình mỹ thuật, tổ chức trại sáng tác..., diễn ra ở nhiều quy mô, giới thiệu văn hóa nghệ thuật Việt Nam với bạn bè quốc tế.

***c) Lĩnh vực điện ảnh***

- Nhiều văn bản được xây dựng, đóng vai trò then chốt trong hoạch định, điều chỉnh từng bước phát triển của điện ảnh Việt Nam.

- Thị trường phát hành, doanh thu chiếu phim tăng không ngừng. Mô hình sản xuất phim kết hợp nguồn vốn nhà nước và tư nhân giành được thành công lớn, đem lại nguồn thu đáng kể.

- Công tác xã hội hóa, mở rộng hợp tác quốc tế được thực hiện tốt, góp phần không nhỏ vào thành công của các liên hoan phim, tuần phim Việt Nam ở nước ngoài, đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ sáng tác.

***d) Lĩnh vực thư viện***

Mạng lưới thư viện công cộng phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng; Hệ thống thư viện đa ngành, chuyên ngành phát triển; Phong trào xây dựng tủ sách trường học, tủ sách nông thôn đang được triển khai tích cực trên khắp cả nước; Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật của thư viện luôn được quan tâm. Trong những năm qua, xã hội hóa hoạt động thư viện thu hút được sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân.

***đ) Lĩnh vực bảo tồn, bảo tàng***

- Việc lập quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích ngày càng được chú trọng.

- Công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích đã đạt được những hiệu quả tích cực, đã huy động được nguồn vốn không nhỏ từ các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng cho việc bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích. Việc phát huy giá trị, khai thác di sản góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động tại địa bàn có di sản.

- Việc quản lý, bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đã có những bước tiến rõ rệt.

- Sự ra đời của các mô hình trung tâm, câu lạc bộ và hội nghiên cứu, sưu tầm cổ vật ở nhiều địa phương trong cả nước; thu hút các nghệ nhân xuất sắc đến truyền dạy và các học viên thuộc nhiều thành phần xã hội, nhiều lứa tuổi theo học.

- Công tác quản lý và tổ chức lễ hội trên địa bàn cả nước đã có sự chuyển biến tích cực, dần đi vào nền nếp.

***e) Lĩnh vực xây dựng đời sống văn hóa cơ sở***

Công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo toàn diện, cụ thể thông qua việc ban hành nhiều văn bản, Chỉ thị, qua phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sốhg văn hóa”… Nhìn chung, các văn bản pháp luật được ban hành tương đốì đồng bộ, kịp thời, phát huy hiệu quả trong quản lý. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, bất cập không còn phù hợp với yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

***f) Lĩnh vực xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa***

Hệ thống thiết chế văn hóa từ Trung ương đến địa phương được kiện toàn, cơ sở vật chất được bổ sung, nâng cấp, phát huy hiệu quả trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người; huy động mọi nguồn lực với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

***g) Lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan***

Luật sở hữu trí tuệ được thi hành đã phát huy hiệu lực trong cuộc sống. Hoạt động thanh tra, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan đã được tăng cường, nhiều vụ việc đã được xử lý nghiêm. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm vẫn diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực âm nhạc, xuất bản, bản ghi âm ghi hình, chương trình máy tính.

**2. Những hạn chế trong phát triển văn hóa**

*a) Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội*

*b) Về khoảng cách hưởng thụ văn háo giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân*

*c) Tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục của môi trường văn hóa*

*d) Thiếu hụt số lượng tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật; quá trình thương mại hóa và chất lượng tác phẩm yếu kém*

*đ) Về hạn chế trong hoạt động lý luận, phê bình, nghiên cứu văn học, nghệ thuật*

*e) Về khó khăn và thách thức trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa*

*f) Về hạn chế trong xây dựng, ban hành và thực hiện cơ chế, chính sách về kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế về huy động, quản lý các nguồn lực cho văn hóa*

*g) Về hạn chế của hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động văn hóa*

*h) Về hạn chế, bất cập trong công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao*

*i) Về hạn chế trong hợp tác quốc tế*

**3. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế trong phát triển văn hóa**

***a) Nguyên nhân của những thành tựu***

*- Về khách quan*

+ Thành tựu trong nghiên cứu lý luận về văn hóa của thế giới tác động lớn đến việc nghiên cứu văn hóa trong nước. Nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam trở nên đa sắc, đa diện hơn. Những kết quả nghiên cứu đó trở thành cơ sở lý luận quan trọng cho các quan điểm, đường lối của Đảng ta về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ đổi mới.

+ Năm 1976, Việt Nam gia nhập tổ chức UNESCO. Những quan điểm, mục tiêu hoạt động của tổ chức đã tác động lớn đến quan điểm, đường lối phát triển văn hóa, phát triển đất nước Việt Nam.

+ Những bài học từ thất bại và thành công của các mô hình phát triển trên thế giới đã trở thành bài học kinh nghiệm lớn đối với Việt Nam.

*- Về chủ quan*

+ Trong quá trình đổi mới, Đảng ta đã đạt được những thành tựu to lớn về phát triển lý luận. Nhận thức lý luận của Đảng về văn hóa vừa đảm bảo tính nhất quán vừa cho thấy những đổi mới không ngừng.

+ Mục tiêu phát triển văn hóa chính là nhằm xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì hạnh phúc và lợi ích của nhân dân. Vì vậy, đã thu hút được cả dân tộc tham gia, tạo nên sức mạnh to lớn cho quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa mới.

***b) Nguyên nhân của những hạn chế***

*- Về khách quan*

+ Suy thoái kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo; bất ổn chính trị tại nhiều quốc gia, khu vực... ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, trong đó có các chỉ tiêu của toàn ngành đề ra.

+ Về tổng thể, mức đầu tư cho văn hóa trong tổng chi ngân sách tương đốì thấp so với các lĩnh vực khác, chưa tương xứng với thực tiễn phát triển. Những biến đổi nhanh chóng, phức tạp trên của đời sống kinh tế - xã hội tác động nhiều chiều đến lực lượng hoạt động văn hoá, văn nghệ.

+ Các thế lực thù địch chống phá trên mặt trận tư tưởng, văn hoá, lợi dụng ưu thế về công nghệ thông tin toàn cầu hoá về kinh tế để áp đặt các giá trị văn hoá, thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” về văn hoá; đồng thời, mặt trái của cơ chế thị trường và toàn cầu hoá ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống văn hoá, văn nghệ.

*- Về chủ quan*

+ Nhận thức về vị trí, vai trò của văn hoá ở nhiều cấp, nhiều ngành, một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa đúng tầm; chưa nhận thấy rõ mối quan hệ gắn bó giữa kinh tế, văn hoá và chính trị; chưa coi phát triển văn hoá là trách nhiệm của toàn xã hội.

+ Sự chỉ đạo của các cấp từ Trung ương đến địa phương còn bộc lộ sự bất cập, hạn chế, phương thức lãnh đạo còn chậm được đổi mới. Nghiên cứu lý luận còn thiếu khả năng dự báo và định hướng.

**II.** **THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM**

1. **Thành tựu phát triển con người**

Với tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng cao, GDP bình quân đầu người của Việt Nam không ngừng được cải thiện, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đồng thời tạo ra những điều kiện vật chất cần thiết cho sự phát triển toàn diện con người.

*Một là, về giáo dục đào tạo:* từ năm 2010 - 2019, giáo dục phổ thông đã có sự cải thiện rõ rệt về việc tăng tỷ lệ đi học chung và đi học đúng tuổi. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi học phổ thông nhưng không đến trường giảm. Giáo dục nghề nghiệp năm 2019 có những chuyển biến tích cực, chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao; đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

*Hai là, về chỉ số tuổi thọ:* Từ năm 1989 đến nay, tuổi thọ trung bình của Việt Nam liên tục tăng. Với chỉ số HDI là 0,63, Việt Nam xếp thứ 118 trong tổng số 189 nước. Việt Nam cũng có kết quả tốt về khía cạnh bình đẳng giới.

Thể lực của người Việt Nam trong 35 năm qua đã có nhiều thay đổi. Chiều cao, thể lực của người Việt được cải thiện. Người Việt có ý thức vươn lên trong học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn và các lĩnh vực khác. Ý thức về quyền và trách nhiệm làm chủ của công dân được nâng lên.

1. **Hạn chế trong phát triển con người**

- So với các quốc gia trong khu vực, chỉ số HDI của Việt Nam hiện chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và sự mong đợi của nhân dân.

- Giáo dục đang có nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển con người và đang gây bức xúc, lo lắng cho xã hội. Lao động bị thiếu hụt kỹ năng và yếu về tay nghề trong một số ngành, lĩnh vực, nhưng lại thừa lao động phổ thông và cả lao động được đào tạo ở bậc cử nhân và sau đại học. Tình trạng bất bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục, cơ hội phát triển vẫn tiếp diễn, ảnh hưởng đến gia tăng khoảng cách về thu nhập. Hệ thống bảo hiểm xã hội đang đối mặt với nhiều thách thức. Bạo lực gia đình, lao động trẻ em, tội phạm trẻ em, tội phạm có học vấn, tội phạm xuyên quốc gia, mất cân bằng giới tính khi sinh, nguy cơ mất an ninh truyền thống và phi truyền thống,... là những vấn đề cấp bách, ảnh hưởng trực tiếp đến xây dựng và phát triển con người.

**3. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế trong phát triển con người**

*a) Nguyên nhân của những thành tựu trong phát triển con người*

- Những thay đổi quan trọng trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị về vai trò, vị trí của nhân tố con người trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phát triển và kế thừa qua các kỳ đại hội.

- Thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng, nước ta đã có nhiều chính sách hợp lý trong phát triển con người. Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã tăng chi tiêu cho giáo dục và đào tạo, y tế.

*b) Nguyên nhân của những hạn chế trong phát triển con người*

*-* Trước hết, do nhận thức về phát triển con người, mốì quan hệ giữa phát triển con người với phát triển văn hoá, phát triển kinh tế và phát triển xã hội chưa sâu sắc, đầy đủ và rõ ràng; còn nặng về phát triển kinh tế, lợi ích vật chất.

- Trong những năm qua, nước ta chậm đổi mới tư duy về phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- Các chính sách xã hội, trong đó có các chính sách về an sinh xã hội và phúc lợi xã hội còn nhiều nội dung chưa thực sự hướng tới phát triển con người; chưa đảm bảo thật tốt công bằng và bình đẳng xã hội giữa các tầng lớp xã hội, giữa các vùng miền trong tiếp cận các nguồn lực và cơ hội phát triển con người.

**III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM**

**1. Thành tựu phát triển nguồn nhân lực**

*Một là, về tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo:* nhân lực Việt Nam tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo có xu hướng tăng. Tuy vậy, còn thiếu hụt các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; phân bố không đều; một bộ phận không nhỏ nhân lực trình độ cao không trực tiếp làm nghiên cứu và phát triển, mà hoạt động trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, kinh doanh dịch vụ; nhiều người sau khi hoàn thành xong chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài đã không trở về nước làm việc.

*Hai là, về doanh nhân:* Số lượng đội ngũ doanh nhân tăng nhanh. Tuy vậy, còn yếu về tiềm lực, đa số là sản xuất và kinh doanh nhỏ lẻ, công nghệ sản xuất lạc hậu và thiếu chiến lược, tầm nhìn dài hạn vươn ra quốc tế và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

*Ba là, cơ cấu lao động theo ngành :* Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm, song tốc độ giảm còn chậm và tỷ lệ vẫn còn quá cao so với các nước trong khu vực. Cơ cấu sản xuất và trình độ công nghệ trong ngành nông nghiệp còn khá lạc hậu; Trong công nghiệp, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, lao động có tay nghề tăng lên nhanh chóng. Công tác đào tạo nghề cho lao động công nghiệp rất được chú trọng.

*Bốn là, chỉ số vốn nhân lực (HCI):* Vốn nhân lực bao gồm kiến thức, kỹ năng và tình trạng sức khỏe được tích lũy qua thời gian. Năm 2018, chỉ số vốn nhằn lực của Việt Nam đạt 0,67, đứng thứ 48/157 trên thế giới, đứng thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á, chỉ sau Xingapo.

*Năm là, về chỉ số cạnh tranh toàn cầu:* Năm 2018, Việt Nam đạt 58/100 điểm, đứng thứ 77/140 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu - đạt mức trung bình. Tuy nhiên, năng suất lao động của Việt Nam hiện vẫn rất thấp so với nhiều nước trong khu vực.

**2.****Hạn chế trong phát triển nguồn nhân lực**

**-** Tỷ lệ nhân lực đã qua đào tạo ở Việt Nam còn rất thấp.

- Khoảng 75% nhân lực Việt Nam là nhân lực phổ thông, có trình độ thấp. Đội ngũ nhân lực tốt nghiệp đại học có trình độ chưa cao.

- Sự phân bố nhân lực có trình độ không đồng đều, có sự chênh lệch lớn giữa các vùng, các địa phương.

- Tâm lý, ý thức của nguồn nhân lực Việt Nam cũng có nhiều bất cập. Phần lớn người lao động vẫn quen lối sản xuất nhỏ lẻ, tùy tiện, thiếu quy củ, thiếu tính kỷ luật, thiếu tính chiến lược.

- Thiếu hụt các nhà khoa học giỏi, đầu ngành, hiện tượng chảy máu chất xám vẫn đang diễn ra.

**3. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế trong phát triển nguồn nhân lực**

*a) Nguyên nhân của những thành tựu trong phát triển nguồn nhân lực*

*- Thứ nhất*, Đảng, Nhà nước rất quan tâm, có những chủ trương đúng đắn trong phát triển nguồn nhân lực.

*- Thứ hai*, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với hội nhập quốc tế đã góp phần thay đổi tích cực nguồn nhân lực ở Việt Nam.

*- Thứ ba*, nguồn nhân lực Việt Nam có sự nỗ lực vươn lên, thích nghi nhanh trước những thay đổi của nền sản xuất hiện đại.

*b) Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trong phát triển nguồn nhân lực*

*- Thứ nhất*, nguồn lực quốc gia và phần lớn các gia đình để đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực còn hạn chế.

*- Thứ hai*, hệ thống giáo dục quốc dân – lực lượng nòng cốt trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đất nước bộc lộ nhiều hạn chế: về định hướng nghề nghiệp, giáo viên, phương pháp, mục tiêu giáo dục…

*- Thứ ba*, công tác quản lý nhà nước về phát triển nhân lực còn những bất cập so với yêu cầu.

*- Thứ tư*, hợp tác và hội nhập quốc tế chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới.

*Như vậy*, qua 35 năm đổi mới, được sự quan tâm toàn diện của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực vươn lên của lực lượng lao động, việc phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam có những bước tiến đáng kể, số lượng và chất lượng nguồn lao động được cải thiện, đóng góp quan trọng đốì với phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp.

**Chương IV**

**NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI, NGUỒN NHÂN LỰC – NỀN TẢNG TINH THẦN, SỨC MẠNH NỘI SINH PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC**

**I. NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA**

**1. Văn hóa, con người, nguồn nhân lực phải tham gia vào nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế**

Bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế đặt ra nhiều vấn đề cơ bản đối với nền văn hóa dân tộc.

*Thứ nhất*, tác động lớn của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là cơ hội cho nền văn hóa dân tộc vượt lên theo con đường phát triển rút ngắn cùng với kinh tế. Hoặc tiếp tục phát triển chậm hơn so với kinh tế.

- Các sản phẩm được sản xuất theo phương thức cũ không còn phù hợp, văn hóa, con người, nguồn nhân lực phải tham gia sâu hơn vào quá trình sản xuất hàng hóa, tạo nên sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta.

*Thứ hai*, bên cạnh phát triển hợp tác đầu tư về kinh tế không ngừng tăng là xu thế đầu tư vào văn hóa phát triển mạnh, hình thành thị trường văn hóa toàn cầu.

**2.** **Văn hóa, con người, nguồn nhân lực phải thích ứng với thời kỳ xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế**

Vai trò của văn hóa, con người tạo môi trường văn hóa cho kinh tế thị trường phát triển; mặt khác, sẽ biểu hiện tập trung của định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó cũng đòi hỏi văn hóa, con người, nguồn nhân lực Việt Nam phải nỗ lực vận động và phát triển, đảm nhiệm tốt vai trò của nó trong phát triển bền vững đất nước.

Con người Việt Nam bên cạnh nhiều đức tính tốt đẹp cũng còn nhiều mặt yếu kém cần phải khắc phục: những “thói hư, tật xấu”, tình trạng tham nhũng… đang diễn ra phức tạp. Cần có giải pháp toàn diện để nâng cao năng lực, hoàn thiện nhân cách của con người Việt Nam.

**3. Phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực phải tận dụng những thời cơ do quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế mang lại**

- Đổi mới và hội nhập quốc tế tạo cơ hội để phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, xây dựng và phát triển nguồn lực con người.

- Hội nhập quốc tế tạo cơ hội để chuyển giao vốn, khoa học kỹ thuật, công nghệ, khoa học tổ chức, quản lý, thúc đẩy quá trình dân chủ hoá về thông tin toàn cầu, kích thích năng lực sáng tạo của nền văn hóa dân tộc.

- Hội nhập quốc tế tạo ra cơ hội để mở rộng xuất, nhập khẩu văn hóa phẩm, mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa, góp phần nâng cao trình độ dân trí, phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ văn hóa, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng cao của nhân dân.

- Tác động vào tinh thần dân tộc, ý thức cộng đồng, kích thích tinh thần dân tộc phát triển, thúc đẩy tinh thần cạnh tranh để nâng cao vị thế của dân tộc trong khu vực và cộng đồng quốc tế.

**4. Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực trong thời kỳ đổi mới và hội nhập phải vượt qua nhiều thách thức**

*Một là*, sự tụt hậu của văn hóa, nguồn nhân lực quốc gia so với tốc độ phát triển của kinh tế ở trong nước và so với các nước trong khu vực.

*Hai là*, nguy cơ chệch hướng về phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực.

*Ba là*, sự phân hóa xã hội trên lĩnh vực văn hóa diễn ra mạnh mẽ.

*Bốn là*, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế quốc dân.

*Năm là*, thách thức về trình độ quản lý văn hóa.

**II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP**

1. **Phương hướng**

***a) Phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực phải tương xứng và đồng bộ về kinh tế***

*Thứ nhất*, văn hóa, con người, nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng để xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Thứ hai*, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ thúc đẩy phát triển văn hóa.

*Thứ ba*, kinh tế thị trường cũng chứa đựng những yếu tố có thể tác động tiêu cực đến sự phát triển của văn hóa, con người, nguồn nhân lực Việt Nam.

***b) Phát triển văn hóa, con người Việt Nam phải đủ sức đối thoại với các nền văn hóa khác trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay***

Trong xu thế cạnh tranh, hợp tác để phát triển hiện nay, văn hóa, con người Việt Nam phải tự khẳng định được chính mình mới có thể hợp tác được với các nước khác, cạnh tranh được với các nước khác và gặt hái được những thành công.

***c) Xây dựng, phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực Việt Nam gắn liền với quá trình chống lại những yếu tố cản trở quá trình phát triển văn hóa, con người Việt Nam hiện nay***

***d) Để phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực hiện nay, cần phát huy toàn diện vai trò của các tầng lớp nhân dân, trong đó đội ngũ trí thức đóng vai trò quan trọng***

**2. Giải pháp**

***a) Xây dựng hệ tiêu chí, hệ giá trị của con người Việt Nam đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới***

Việc xác định hệ giá trị, chuẩn mực của văn hóa, con người là điều rất cần thiết để xây dựng con người Việt Nam hiện nay. Theo quan điểm của Đảng, những chuẩn mực, giá trị cần phải có của con người Việt Nam hiện nay là:

*Thứ nhất*, có lòng yêu nước, tự cường dân tộc.

*Thứ hai*, có hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc.

*Thứ ba*, có ý thức tập thể, tinh thần đoàn kết (bao gồm cả tinh thần đoàn kết quốc tế).

*Thứ tư*, có tinh thần tiết kiệm, trung thực.

*Thứ năm*, có lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình.

*Thứ sáu*, có năng lực sáng tạo, ý chí vươn lên, thường xuyên học tập nâng cao trình độ.

*Thứ bảy*, lao động cần cù, có kỷ luật và năng suất cao.

*Thứ tám*, có trách nhiệm xã hội, ý thức công dân; có lương tâm và trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước; có tinh thần dân chủ.

*Thứ chín*, có đạo đức sinh thái, ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Thứ mười, có ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng kỷ cương, phép nước

Những chuẩn mực, giá trị theo quan điểm của Đảng đã khá toàn diện.

- Việc xây dựng, định hình hệ giá trị, chuẩn mực con người Việt Nam hiện nay là trách nhiệm của toàn xã hội; Cần đưa vào chương trình giáo dục quốc dân phù hợp với các cấp học, bậc học; Mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức cần cụ thể hóa thành các chuẩn mực với những tiêu chí, phẩm chất rõ ràng, phù hợp với đặc điểm, tính chất của mỗi ngành nghề, đơn vị, văn hóa vùng miền, tạo động lực, niềm tin để mỗi người phấn đấu, noi theo.

Xây dựng hệ giá trị, chuẩn mực con người Việt Nam là việc làm cần thiết, cấp bách, lâu dài mang ý nghĩa chiến lược. Việc làm này đòi hỏi những bước đi và lộ trình cụ thể, tránh lôì áp đặt chủ quan, nóng vội, duy ý chí.

***b) Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú và đồng bộ góp phần vào việc xây dựng con người, nguồn nhân lực Việt Nam***

Môi trường văn hóa là một cấu trúc chỉnh thể bao gồm cảnh quan văn hóa, thiết chế văn hóa, các hình thái hoạt động văn hóa, các quan hệ ứng xử văn hóa, con người văn hóa trong cộng đồng. Quá trình xây dựng và phát triển con người không thể tách rời quá trình xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú.

Để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cần quan tâm thực hiện các nhiệm vụ:

- Xây dựng gia đình Việt Nam theo các tiêu chuẩn “gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh” và “đề cao vai trò của gia đình trong nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ”.

*Trước hết*, cần cụ thể hóa các tiêu chí của gia đình văn hóa để gia đình thực sự là môi trường hình thành và nuôi dưỡng con người, nguồn nhân lực Việt Nam theo chuẩn mực giá trị đã xác định ở trên.

*Thứ hai*, cần tránh tính hình thức trong các phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”.

- Xây dựng văn hóa, quy định một cách chi tiết về quy tắc ứng xử trong các nhà trường.

- Môi trường văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước, trong hệ thống chính trị phải là những môi trường văn hóa mẫu mực nhất, chứa đựng những giá trị, chuẩn mực tốt đẹp theo hệ chuẩn mực của con người Việt Nam.

- Môi trường văn hóa trong các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động kinh tế cần được hoàn thiện để góp phần xây dựng con người Việt Nam mới.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Mỗi đơn vị cộng đồng làng bản, khu phố đều xây dựng những quy chuẩn, quy tắc, hành vi ứng xử và có những cơ chế đế mỗi thành viên trong cộng đồng đều phải cố gắng thực hiện.

***c) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu mới***

- Vai trò của Nhà nước trong phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay chính là Nhà nước triển khai thể chế hóa, chính sách hóa các quan điểm, đường lốì của Đảng về phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực. Qua đó, thúc đẩy những giá trị văn hóa đang hình thành trong cuộc sống.

- Vai trò của Nhà nước trong phát triển văn hóa là Nhà nước có những hành động thiết thực nâng đỡ sự nghiệp văn hóa phát triển, tăng đầu tư cho sự nghiệp văn hóa.

***d) Xây dựng và phát triển đội ngũ, lực lượng sáng tạo văn hóa, các tài năng văn hóa***

Cần chú ý đến công tác đào tạo, bồi dưỡng; Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế; Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ sáng tạo đặc biệt này.

***đ) Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động văn hóa, nắng cao chất lượng nguồn nhân lực***

- Giải thích cho người dân hiểu về lợi ích của di sản, trách nhiệm trong việc bảo vệ di sản để tham gia công việc bảo tồn di sản văn hóa.

- Đưa những người có uy tín tiếng nói tham gia công tác bảo tồn văn hóa để khuyến khích, vận động người dân tham gia vào công tác bảo tồn văn hóa.

***e) Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa***

Công nghiệp văn hóa Việt Nam bao gồm các ngành quảng cáo, kiến trúc, phần mềm và các trò chơi giải trí, thủ công, mỹ nghệ, thiết kế, điện ảnh, xuất bản, thời trang, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, truyền hình và phát thanh, du lịch văn hóa,v.v.

Công nghiệp văn hóa không chỉ mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp mà còn có vai trò quan trọng đốì với sự phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực của quốc gia. Để phát triển văn hóa, con người, nguồn nhân lực Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế thì phát triển công nghiệp văn hóa là con đường tất yếu.

***f) đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu về phát triển con người và nguồn nhân lực Việt Nam trong bổi cảnh mới***

*Thứ nhất*, cẩn xây dựng triết lý giáo dục.

*Thứ hai*, cần đổi mới thể chế quản lý giáo dục: Đổi mới tư duy quản lý giáo dục; Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về giáo dục; Tăng cường nguồn lực tài chính cho giáo dục; Tập trung xây dựng các trường sư phạm trọng điểm; Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình sách giáo khoa và phương thức kiểm tra đánh giá.

*Thứ ba*, cần xây dựng văn hóa học đường văn minh, tiến bộ, vì sự phát triển nhân cách con người: Kiến tạo không gian, môi trường giáo dục hiện đại; Nêu cao tinh thần gương mẫu của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo; Chú trọng giáo dục nhân cách cho người học.

**KẾT LUẬN**

Văn hóa, con người và nguồn nhân lực có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển đất nước. Trong đó, vấn đề văn hóa, con người được đặt ở vị trí trung tâm, “hệ điều tiết của quá trình phát triển”.

Qua hơn 35 năm đổi mới, sự nghiệp phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực đã đạt được nhiều kêt quả quan trọng. Văn hóa phát triển đa dạng, phong phú, xuất hiện nhiều loại hình, thể loại, các hoạt động văn hóa mới, có khả năng chiếm lĩnh các mặt khác nhau của đời sống xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đã đạt được, quá trình phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực vẫn bộc lộ không ít các hạn chế, khuyết điểm: Nhận thức lý luận về văn hóa; Một số vấn đề mới chưa có lý giải khoa học, có sức thuyết phục; Còn lúng túng khi xác định hệ giá trị văn hóa quốc gia, hệ giá trị con người Việt Nam trong bối cảnh mới hiện nay. Sự phát triển văn hóa chưa bền vững, chưa tương xứng với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội... chưa đủ mạnh để tác động đến hiệu quả xây dựng con người.

Để tiếp tục phát triển văn hóa, con người và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cần kiên trì và kiên quyết hiện thực hóa quan điểm được Đảng ta khẳng định: Văn hóa, con người (trong đó có nguồn nhân lực) là một trong ba đột phá chiến lược trong giai đoạn tới. Cần phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

**IV. Giá trị vận dụng ở Học viện Chính trị khu vực I**

Cuốn sách là một tài liệu tham khảo rất hữu ích, làm gia tăng kiến thức chuyên

môn liên quan trực tiếp đến chuyên đề 02 “Phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới”; bổ sung tài liệu cho các chuyên đề 01 Lý luận về văn hóa và phát triển”; chuyên đề 03 “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc”; chuyên đề 05 “Văn hóa công vụ ở Việt Nam hiện nay”; chuyên đề 06 “Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa” thuộc môn Văn hóa và phát triển, thuộc chương trình Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị khu vực I.

**Nhóm giới thiệu sách**

TS. Ngô Ánh Hồng

ThS. Nguyễn Thùy Trang